TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế;

2. Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2026/TLST-DS, ngày 26/01/2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 443/2026/QĐST-DS, ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty T1 (VIỆT NAM); Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Lee Yun H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần La Ngọc H1 - Chức vụ: Trưởng Phòng tố tụng cấp cao; Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định V/v Ủy quyền nhận sự ký tài liệu số 162/2024/QĐ-MAFC, ngày 02/4/2024).

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L; Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tất T – Chức vụ Giám đốc; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC, ngày 17/4/2025).

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2000; Chức danh: Chuyên

viên pháp lý Công ty L1; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2025). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1972; *Địa chỉ:* Số nhà A, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số G, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2026). (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2026). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 (VIỆT NAM) bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 30/09/2024 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999 của bà Lê Thị M, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 01/10/2024, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D - Công ty TNHH F. Công ty T1 (VIỆT NAM) đồng ý ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, cho bà Lê Thị M vay số tiền 38.772.000 đồng, giải ngân ngày 01/10/2024 vào tài khoản số 1024356807 tại Ngân hàng TMCP S (S1) của bà Lê Thị M số tiền 36.000.000 đồng, tiền bảo hiểm khoản vay 2.772.000 đồng, lãi suất 4,83%/01 tháng, 58%/01 năm, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, thanh toán tiền gốc lãi vào ngày 25 hàng tháng theo lịch thanh toán, tính đến ngày 28/04/2025 đã trả được gốc là 7.741.063 đồng, lãi 11.607.474 đồng (trong đó: lãi trong hạn 11.597.760 đồng, lãi chậm trả 9.714 đồng), phí 84.000 đồng, tổng cộng là 19.432.537 đồng, sau đó không trả nợ theo thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Công ty T1 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn gốc là 31.030.937 đồng và lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025 là 11.685.673 đồng (trong đó: số tiền lãi trong hạn là 9.152.587 đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.269.405 đồng, số tiền lãi chậm trả là 263.681 đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 42.716.610 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/12/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999 cho đến khi thanh toán nợ xong.

- Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Yến N đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị M trình bày: Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị M1 không làm thủ tục vay tiền gì với Công ty T1 (VIỆT NAM), nên việc Công ty T1 (VIỆT NAM) yêu cầu bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả vốn gốc là 31.030.937 đồng và lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025 là 11.685.673 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ

ngày 03/12/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999 cho đến khi thanh toán nợ xong bà Nguyễn Thị M1 không đồng ý.

Đồng thời tài khoản số 1024356807 tại Ngân hàng TMCP S (S1) là không phải của bà Nguyễn Thị M1, cho nên Công ty T1 (VIỆT NAM) cho rằng đã chuyển tiền vào tài khoản này với số tiền 36.000.000 đồng bà M1 hoàn toàn không biết và cũng không sử dụng tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T1 (VIỆT NAM) nộp đơn khởi kiện bà Lê Thị M yêu cầu trả tiền vay còn nợ, xác định đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Đương sự khi ký kết hợp đồng địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty T1 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả vốn vay là 31.030.937 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025 là 11.685.673 đồng, tổng cộng vốn lãi là 42.716.610 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 03/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 cho đến khi bà M thanh toán nợ xong.

Chứng cứ chứng minh là đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 của Lê Thị M, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 01/10/2024, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D-Công ty TNHH F. Công ty T1 (VIỆT NAM) giải ngân ngày 01/10/2024 chuyển tiền cho vay vào tài khoản số 1024356807 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) của bà Lê Thị M. Kèm theo hồ sơ vay là bản photo căn cước công dân của bà Lê Thị M và hình ảnh chân dung của khách hàng là bà Lê Thị M khi giao kết hợp đồng điện tử.

Căn cứ vào tài liệu do Công ty T1 (VIỆT NAM) cung cấp. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định bà Lê Thị M có vay tiền của Công ty T1 (VIỆT NAM) và còn nợ Công ty T1 (VIỆT NAM) vốn vay là 38.772.000 đồng. Công ty T1 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị M trả vốn vay còn nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả được thể hiện tại tiểu mục 3.7, 3.8, mục 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024. Công ty T1 (VIỆT NAM) yêu cầu Lê Thị M trả tiền lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025, tiền lãi phát sinh trong hạn: 9.152.587 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 2.269.405 đồng, tiền lãi chậm trả: 263.681 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 03/12/2025 cho khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với người đại diện theo ủy quyền của bà M cho rằng bà M không vay tiền của Công ty T1 (VIỆT NAM) như lời trình bày Công ty T1 (VIỆT NAM) và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Công ty. Xét lời trình bày và yêu cầu này của bà M là không có căn cứ, không được chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào

tài liệu do Công ty T1 (VIỆT NAM) cung cấp là bà M ký tên đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 của Lê Thị M, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 01/10/2024, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D-Công ty TNHH F. Công ty T1 (VIỆT NAM) giải ngân ngày 01/10/2024 chuyển tiền cho vay vào tài khoản số 1024356807 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) của bà Lê Thị M. Kèm theo hồ sơ vay là bản photo căn cước công dân của bà Lê Thị M và hình ảnh chân dung của khách hàng là bà Lê Thị M khi giao kết hợp đồng điện tử. Đồng thời tại xác nhận ngày 10/3/2026 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) đã xác nhận tài khoản số 1024356807 là của bà Nguyễn Thị M1, cho nên bà M1 cho rằng số tài khoản 1024356807 không phải của bà M1 là không có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1 (VIỆT NAM); Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (VIỆT NAM) vốn vay là 31.030.937 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025 là 11.685.673 đồng, tổng cộng vốn lãi là 42.716.610 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 03/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán nợ xong.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1 (VIỆT NAM).

2. Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (VIỆT NAM) vốn vay là 31.030.937 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/12/2025 là 11.685.673 đồng, tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 42.716.610 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 03/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5892999, ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán nợ xong.

3. Về tạm ứng án phí, án phí:

- Công ty T1 (VIỆT NAM) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 (VIỆT NAM) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.068.000 đồng theo biên lai số 0001461, ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lê Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quan Nam